

Phụ lục 4**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI HẠN GIẢI QUYẾT
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)***A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
I	LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM				
1.	1.013862	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
2.	1.013858	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
3.	1.013857	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	45 ngày làm việc	22,5 ngày làm việc	
4.	1.013854	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước			
		- 45 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 7 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ-C	45 ngày làm việc	22,5 ngày làm việc	
		- 30 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 8 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ-CP.	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	

5.	1.013850	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước			
		45 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 7 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ-CP (không bao gồm thời gian đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm)	45 ngày làm việc	22,5 ngày làm việc	
		30 ngày làm việc đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 8 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ-CP CP (không bao gồm thời gian đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm nếu cần thiết)	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
6.	1.013844	Đăng ký chỉ định đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 8 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ-CP (Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
7.	1.013851	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
8.	1.013847	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
9.	1.013855	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
10.	1.013841	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	

		của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025			
11.	1.013838	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
12.	1.013829	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
II.	LĨNH VỰC KHÁM CHỮA BỆNH				
13.	1.012281	Thủ tục Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
14.	1.012257	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	10 ngày	5 ngày	
15.	1.012258	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh	15 ngày	7,5 ngày	
16.	1.012260	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	10 ngày	5 ngày	
17.	1.012261	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	45 ngày	22,5 ngày	
18.	1.012262	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	60 ngày	30 ngày	
19.	1.012278	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh			
		Tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và	60 ngày	30 ngày	

		10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định hoặc nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị			
20.	1.012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh			
		- Trường hợp không phải thẩm định thực tế tại cơ sở	20 ngày	10 ngày	
		- Trường hợp phải thẩm định thực tế tại cơ sở	70 ngày	35 ngày	
21.	1.012279	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	20 ngày	10 ngày	
22.	1.012289	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	30 ngày	15 ngày	
23.	1.012290	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	15 ngày	7.5 ngày	
24.	1.012291	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Trong thời gian kể từ khi nhận đủ hồ sơ đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề (Tối thiểu 60 ngày).	Trong thời gian kể từ khi nhận đủ hồ sơ đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề (Tối thiểu 30 ngày).	

25.	1.012292	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	15 ngày	7.5 ngày	
26.	1.001138	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	30 ngày làm việc	12 ngày làm việc	
27.	2.000559	Cấp giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	30 ngày làm việc	12 ngày làm việc	
28.	2.000552	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	30 ngày làm việc	12 ngày làm việc	
29.	1.006780	Thủ tục Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	20 ngày	10 ngày	
30.	1.012271	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	30 ngày	15 ngày	
31.	1.012272	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	15 ngày	7,5 ngày	
32.	1.012273	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Trong thời gian kể từ khi nhận đủ hồ sơ đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề (Tối thiểu 60 ngày	Trong thời gian kể từ khi nhận đủ hồ sơ đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề (Tối thiểu 30 ngày	

			Trường hợp cần xác minh việc cập nhật kiến thức y khoa liên tục của người hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài thực hiện thì thời hạn thực hiện thủ tục gia hạn là 15 ngày kể từ ngày có kết quả xác minh	Trường hợp cần xác minh việc cập nhật kiến thức y khoa liên tục của người hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài thực hiện thì thời hạn thực hiện thủ tục gia hạn là 7,5 ngày kể từ ngày có kết quả xác minh	
33.	1.012275	Đăng ký hành nghề	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
34.	1.012256	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
35.	1.012276	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm ikhoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	15 ngày	7,5 ngày	

III.	LĨNH VỰC Y HỌC CỔ TRUYỀN				
36.	1.012418	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
37.	1.012419	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	
38.	1.012415	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	35 ngày làm việc	17.5 ngày làm việc	
39.	1.012416	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
40.	1.012417	Cấp lại giấy chứng nhận là lương y	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	
41.	1.009407	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	30 ngày	15 ngày	
IV.	LĨNH VỰC PHÒNG BỆNH				
42.	1.013890	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động	30 ngày	15 ngày	
43.	1.013037	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
44.	1.003580	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	3 ngày làm việc	3 ngày làm việc	
45.	2.000655	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	3 ngày làm việc	3 ngày làm việc	

46.	2.000972	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	15 ngày làm việc	7.5 ngày làm việc	
47.	1.013036	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
48.	1.013869	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm kháng định HIV dương tính	40 ngày	20 ngày	
49.	1.013873	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm kháng định HIV dương tính	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
50.	1.013879	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm kháng định HIV dương tính	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
51.	1.013864	cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
52.	1.013860	cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
53.	1.013878	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III	27 ngày	13.5 ngày	
54.	1.013884	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn			
		Trường hợp 1: Có thẩm định tại phòng xét nghiệm	27 ngày làm việc	13.5 ngày làm việc	
		Trường hợp 2: Không thẩm định tại phòng xét nghiệm	17 ngày làm việc	8,5 ngày làm việc	
55.	1.013893	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất			
		Trường hợp 1: Có thẩm định tại phòng xét nghiệm	27 ngày làm việc	13.5 ngày làm việc	

		Trường hợp 2: Không thẩm định tại phòng xét nghiệm	17 ngày làm việc	8,5 ngày làm việc	
56.	1.013865	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm	27 ngày làm việc	13.5 ngày làm việc	
		Trường hợp 1: Có thẩm định tại phòng xét nghiệm	27 ngày làm việc	13.5 ngày làm việc	
		Trường hợp 2: Không thẩm định tại phòng xét nghiệm	17 ngày làm việc	8,5 ngày làm việc	
57.	1.013895	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế;	60 ngày	30 ngày	
58.	1.013892	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế			
		Trường hợp đình chỉ lưu hành chế phẩm tạm thời	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
		Trường hợp thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm	15 ngày	7.5 ngày	
59.	1.013887	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	30 ngày	15 ngày	
60.	1.013889	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	3 ngày	3 ngày	
61.	1.013881	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng	15 ngày	7,5 ngày	
62.	1.013880	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ	15 ngày	7,5 ngày	

63.	1.013870	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	10 ngày	5 ngày	
64.	1.013866	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế			
		Đối với hồ sơ chế phẩm đăng ký lưu hành mới của chế phẩm diệt côn trùng dùng trong gia dụng có hoạt chất, hàm lượng hoạt chất, dạng chế phẩm theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới và phù hợp với quy định của Bộ Y tế về danh mục hoạt chất cấm sử dụng, hạn chế phạm vi sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; hồ sơ đăng ký mới đối với chế phẩm diệt khuẩn dùng trong gia dụng có chứa hoạt chất Ethanol hoặc Isopropanol hoặc hỗn hợp Ethanol và Isopropanol với tổng hàm lượng từ 60% đến 90% và có thể chứa không quá 0,5% Chlorhexidin	30 ngày	15 ngày	
		Đối với hồ sơ đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế không thuộc trường hợp 1 nêu trên	60 ngày	30 ngày	
65.	1.013883	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu	15 ngày	7,5 ngày	
66.	1.013874	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	30 ngày	15 ngày	
67.	1.013872	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
68.	1.013867	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	30 ngày	15 ngày	

69.	1.013886	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	3 ngày	3 ngày	
70.	1.013875	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu	15 ngày	7,5 ngày	
71.	1.013891	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	30 ngày	15 ngày	
72.	1.013868	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất			
		Đối với đăng ký lưu hành bổ sung thay đổi hạn sử dụng	30 ngày	15 ngày	
		Các trường hợp còn lại	60 ngày	30 ngày	
73.	1.004070	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế	3 ngày làm việc	3 ngày làm việc	
74.	1.004062	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế	3 ngày làm việc	3 ngày làm việc	
75.	1.002944	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	3 ngày làm việc	3 ngày làm việc	
76.	1.002564	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
77.	1.002467	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	3 ngày làm việc	3 ngày làm việc	
78.	1.001189	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	

79.	1.001178	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
80.	1.001114	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
81.	1.013896	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) đối với thuốc lá	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	
82.	1.013898	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất)	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	
83.	1.013894	Cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với thuốc lá	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	
84.	1.013034	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	5 ngày làm việc	2, 5 ngày làm việc	
85.	1.013035	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV	5 ngày làm việc	2, 5 ngày làm việc	
86.	2.000997	Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng	01 giờ	01 giờ	
87.	2.000993	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải	02 giờ 20 phút	02 giờ 20 phút	
88.	2.000981	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa	03 giờ 20 phút	03 giờ 20 phút	

89.	2.000972	Kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt, tro cốt	01 giờ	01 giờ	
90.	1.002204	Kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	01 giờ	01 giờ	
V.	LĨNH VỰC DÂN SỐ, BÀ MẸ TRẺ EM				
91.	1.013845	Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm	60 gày	30 ngày	
VI.	LĨNH VỰC DƯỢC				
92.	1.014078	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	15 ngày	7,5 ngày	
93.	1.014087	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	30 ngày	15 ngày	
94.	1.014090	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
95.	1.014105	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
96.	1.014092	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	20 ngày	10 ngày	
97.	1.014099	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	

98.	1.014100	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	10 ngày	5 ngày	
99.	1.014101	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	10 ngày	5 ngày	
100.	1.014076	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền);	30 ngày	15 ngày	
101.	1.014104	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền			
		Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 36 của Luật Dược	20 ngày	10 ngày	
		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 của Luật Dược	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
102.	1.014102	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	3 ngày làm việc	3 ngày làm việc	
103.	1.014069	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
104.	1.001396	Cung cấp thuốc phóng xạ;	15 ngày	7, 5 ngày	
VII.	LĨNH VỰC MỸ PHẨM				

105.	1.009566	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	3 ngày làm việc	3 ngày làm việc	
106.	1.003073	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
107.	1.003064	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
108.	1.003055	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	30 ngày	15 ngày	
109.	1.002483	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
110.	1.000990	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
111.	1.000662	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
112.	1.000793	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
113.	1.002600	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước			
		- Đối với trường hợp cấp số tiếp nhận 3 ngày làm việc	3 ngày làm việc	3 ngày làm việc	
		- Đối với trường hợp chưa cấp số tiếp nhận 5 ngày làm việc	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
114.	1.002238	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm	3 ngày làm việc	3 ngày làm việc	

VIII. LĨNH VỰC ĐÀO TẠO					
115.	1.004539	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
116.	1.013824	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh	15 ngày	7.5 ngày	
IX. LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ					
117.	1.013871	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở Y tế	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
118.	1.013876	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở Y tế	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
X. LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG					
119.	1.012422	Đề nghị xét tặng Danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú	53 ngày làm việc (tổng thời gian theo quy định: 06 tháng)	26,5 ngày làm việc	Thực hiện cắt giảm thời gian thuộc thẩm quyền
120.	1.009346	Xét tặng giải thưởng Đặng Văn Ngữ trong lĩnh vực Y tế dự phòng	33 ngày làm việc (tổng thời gian theo quy	16,5 ngày làm việc	

			<i>định: 132 ngày làm việc)</i>		
121.	1.009249	Xét tặng giải thưởng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	30 ngày làm việc (<i>tổng thời gian theo quy định: 150 ngày làm việc</i>)	15 ngày làm việc	
XI.	LĨNH VỰC THIẾT BỊ Y TẾ				
122.	3.000447	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
123.	3.000448	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B	3 ngày làm việc	3 ngày làm việc	
124.	1.003006	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	0 ngày làm việc	0 ngày làm việc	
125.	1.003029	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	0 ngày làm việc	0 ngày làm việc	
126.	1.003039	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	0 ngày làm việc	0 ngày làm việc	
127.	3.000449	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất	Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	
XII.	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI				

128.	1.001806	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
129.	2.000477	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
130.	1.012990	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
131.	1.013817	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
132.	1.013820	Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	35 ngày làm việc	17,5 ngày làm việc	
133.	1.013815	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
134.	1.013814	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
135.	1.012993	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
136.	2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
137.	2.000282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
XIII	LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI				

138.	2.000025	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	10 ngày	5 ngày	
139.	2.000027	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	7 ngày	3.5 ngày	
140.	1.000091	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	7 ngày	3.5 ngày	
141.	1.01401	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	8 ngày	4 ngày	
142.	1.014011	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	6 ngày	3 ngày	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DÙNG CHUNG CẤP TỈNH, XÃ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
I.	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI				
1.	2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	15 ngày	7.5 ngày	
2.	2.000282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	Cơ sở TGXH tiếp nhận ngay đối tượng và hoàn thiện hồ	Cơ sở TGXH tiếp nhận ngay đối tượng và hoàn thiện hồ	

			sơ trong 10 ngày	sơ trong 05 ngày	
3.	2.000477	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	7 ngày	3.5 ngày	
II.	LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN				
4.	2.001661	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	9 ngày	4,5 ngày	
III.	LĨNH VỰC TRẺ EM				
5.	1.004946	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Trong 12 giờ làm việc	Trong 12 giờ làm việc	
6.	1.004944	Thủ tục chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
I.	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI				
1.	1.013821	Thực hiện, điều chỉnh, tạm thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt dừng, hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
2.	1.013822	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	5 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
3.	1.001776	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng;	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
4.	1.001731	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	3 ngày làm việc	3 ngày làm việc	

5.	1.001699	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	35 ngày làm việc	17.5 ngày làm việc	
6.	1.001653	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
7.	2.000355	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
8.	1.014027	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
9.	1.014028	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	3 ngày làm việc	3 ngày làm việc	
II.	LĨNH VỰC TRẺ EM				
10.	2.001947	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	
11.	1.004941	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	15 ngày làm việc	7.5 ngày làm việc	
12.	2.001944	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	15 ngày làm việc	7.5 ngày làm việc	
13.	2.001942	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	25 ngày làm việc	12.5 ngày làm việc	
III.	LĨNH VỰC DÂN SỐ, BÀ MẸ - TRẺ EM				
14.	2.001088	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	